

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2025/HC-PT**

Ngày: 21/8/2025

*V/v: “Khởi kiện QĐHC, HVHC trong
lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và
tái định cư khi nhà nước thu hồi đất”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**.

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường** và bà **Võ Thị Ngọc Dung**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 29/2025/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2025 về “*V/v khởi kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2025/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 273A/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông **Nguyễn Phúc N**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **3 T, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên** (nay là **3 T, phường T, tỉnh Đắk Lắk**);

2. Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1959; Địa chỉ: **3 T, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên** nay là **3 T, phường T, tỉnh Đắk Lắk**);

3. Vợ chồng ông **Phạm Anh T1**, sinh năm 1989 và bà **Nguyễn Thị Như N1**, sinh năm 1991; Cùng địa chỉ: **3 T, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên** (nay là **3 T, phường T, tỉnh Đắk Lắk**);

Các ông, bà Nguyễn Thị Bích T, Phạm Anh T1 và Nguyễn Thị Như N1 đều uỷ quyền cho ông Nguyễn Phúc N tham gia tố tụng. Ông N có mặt tại phiên toà.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N2 - Trưởng phòng Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị thuộc UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công T2 – Chủ tịch UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N2 - Trưởng phòng Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị thuộc UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố T, tỉnh Phú Yên;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công T2 – Chủ tịch UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N2 - Trưởng phòng Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị thuộc UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ban Q đất thành phố T.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Ý N3, sinh năm 1988; Địa chỉ: 3 T, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là 3 T, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Bà N3 uỷ quyền cho ông Nguyễn Phúc N tham gia tố tụng; ông N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người khởi kiện ông Nguyễn Phúc N, Nguyễn Thị Bích T, vợ chồng ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1 trình bày:**

Nguyên ngôi nhà của gia đình chúng tôi xây dựng trên thửa đất ở tổng diện

tích 160,4m² tại 3 T thuộc Khu phố B, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có 03 hộ đều là người trong gia đình có Sổ Hộ Khẩu gia đình riêng nhưng không có đất làm nhà ở nên đã và đang liên tục phải sống chung cùng trong một nhà đất ghi trên từ nhiều thập kỷ đến hiện nay như thực tế gồm:

1/ Hộ vợ chồng Nguyễn Phúc N, Nguyễn Thị Ý N3.

2/ Hộ Nguyễn Thị Bích T.

3/ Hộ vợ chồng Nguyễn Thị Như N1, Phạm Anh T1.

Nhà đất ghi trên của gia đình chúng tôi bị ảnh hưởng Dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 phải giải tỏa Nhà nước thu hồi diện tích 100,9m² đất, chỉ còn 59,5m² đất (169m²-100,9m²), nên không đủ diện tích đất tối thiểu cho mỗi hộ để tiếp tục duy trì việc sử dụng ăn ở sinh hoạt chung cùng trong diện tích nhà đất còn lại này (59,5m²) như từ trước, mà chỉ riêng cho hộ vợ chồng Nguyễn Phúc N, Nguyễn Thị Ý N3 được định cư tại chỗ trên diện tích đất này (59,5m²). Do đó, 02 hộ của Nguyễn Thị Bích T và hộ vợ chồng Nguyễn Thị Như N1, Phạm Anh T1 đều đã liên làm “Đơn xin giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất theo giá quy định” (không thông qua đấu giá đất, hộ phụ) như những trường hợp tương tự đã được thực hiện tại địa phương, và cũng hoàn toàn đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ ngày 15-05-2014 của Chính Phủ. Đơn gửi trực tiếp tại UBND thành phố T, ký nhận nhưng không được xem xét giải quyết trả lời.

Sau một thời gian im lặng thì chúng tôi nhận tập Hồ sơ gồm: Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Bảng tính chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án đường B giai đoạn 2 thì tại Quyết định số 5661/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND thành phố T quy định thời gian, địa điểm chi trả tiền không quá 10 ngày kể từ ngày nhận Quyết định bồi thường, hỗ trợ. Thời gian bàn giao đất bị thu hồi trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (có kèm theo). Trong khi chưa giải quyết việc cấp đất tái định cư cho 2 hộ Nguyễn Thị Bích T và hộ vợ chồng Nguyễn Thị Như N1, Phạm Anh T1 như trình bày trên, còn cây khế là cây trồng trên diện tích đất bị giải tỏa thu hồi đất ghi xác định rõ tại trang 4 “Biên bản Kiểm kê” Đất đai, tài sản gắn liền với đất trong khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án không tính bồi thường và cả 30% giá trị thiệt hại thực tế để sửa chữa hoàn thiện phần nhà, công trình còn lại không bị phá dỡ cho chúng tôi đúng theo Quy định tại Khoản 4 Điều 23 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/09/2021 của UBND tỉnh P. Do đó, tôi (Nguyễn Phúc N) liên làm “Đơn khiếu nại” đề ngày 22-02-2024, nội dung trình bày dẫn chứng Văn bản quy định cụ thể rõ ràng gửi UBND thành phố T yêu cầu giải quyết. Thì sau đó, tôi nhận không phải Quyết định giải quyết khiếu nại, mà là Văn bản về thông tin trả lời số 1709/UBND ngày 07/03/2024 của UBND thành phố T. Nhận thấy nội dung

Văn bản thông tin viện dẫn trả lời không không đúng đắn. Nên tôi liền làm “Đơn Khiếu nại và Yêu cầu” đề ngày 15/03/2024, nội dung trình bày rất rõ ràng, đồng thời viện dẫn ghi điều khoản văn bản quy định chứng minh cụ thể như sau:

1/ Tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ quy định: "Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng đất một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình".

2/ Tại Khoản 4 Điều 23 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh P quy định: “Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân bị phá dỡ một phần mà phần còn lại vẫn tồn tại và sử dụng được thì ngoài tiền bồi thường hoặc tiền hỗ trợ theo thiệt hại thực tế (bao gồm thiệt hại trực tiếp phần bị phá dỡ và giá trị phần bị ảnh hưởng phải phá dỡ) còn được hỗ trợ 30% giá trị thiệt hại thực tế để sửa chữa hoàn thiện phần còn lại nhưng không vượt quá giá trị của phần nhà, công trình còn lại không bị phá dỡ”.

3/ Còn cây khế trên diện tích đất bị giải tỏa thu hồi có ghi xác định tại trang 4 “Biên bản Kiểm kê” đất đai, tài sản gắn liền với đất trong khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án, ngày 09-07-2018 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T không tính bồi thường.

Do đó tôi làm “Đơn khiếu nại và yêu cầu” đề ngày 15/3/2024 nêu trên (có kèm theo) gửi Chủ tịch UBND thành phố T yêu cầu:

- Giải quyết giao cấp đất cho 2 hộ Nguyễn Thị Bích T và vợ chồng Nguyễn Thị Như N1, Phạm Anh T1 để xây dựng nhà có chỗ ở ổn định đúng quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo tại Bảng tính chi tiết đề ngày 28/11/2021 của Ban Q (có kèm theo), còn phải bồi thường tiền cây khế và tiền hỗ trợ 30% giá trị thiệt hại thực tế để sửa chữa hoàn thiện phần còn lại đúng quy định tại Khoản 4 Điều 23 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh P, trước khi tôi tháo dỡ phần nhà bị ảnh hưởng Dự án đường B giai đoạn 2 để giao đất.

Đến nay tôi nhận Quyết định số 4121/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của tôi nêu trên. Quyết định chỉ công nhận nội dung yêu cầu bồi thường tiền cây khế. Không công nhận yêu cầu giao đất cho hộ Nguyễn Thị Bích T và hộ vợ chồng Nguyễn Thị Như N1, Phạm Anh T1 theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính Phủ và khoản tiền hỗ trợ 30% giá trị thiệt hại thực tế nhà, công trình để sửa chữa hoàn thiện phần nhà còn lại theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh P.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4121/QĐ-UBND ngày 27/08/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T.

+ Hủy một phần Quyết định về việc Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 5661/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND thành phố T.

+ Hủy một phần Quyết định số 5601/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND thành phố T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, để thực hiện dự án: Đường B tại phường F, thành phố T (đợt 10), phần liên quan đến ông Nguyễn Phúc N.

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hướng giao 02 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho hộ Nguyễn Thị Bích T và hộ vợ chồng Nguyễn Thị Như N1, Phạm Anh T1; đồng thời, phải tính khoản tiền hỗ trợ 30% giá trị thực tế để sửa chữa hoàn thiện phần công trình còn lại theo Khoản 4 Điều 23 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/09/2021 của UBND tỉnh P ban hành chi tiết một số nội dung về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên và lập phương án bồi thường đối với cây khế cho hộ ông Nguyễn Phúc N theo quy định của pháp luật.

* **Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Ủy ban nhân dân thành phố T:** Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án số 82/2024/TLST-HC ngày 21/10/2024; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 989/2024/QĐ-CCCC ngày 15/11/2024; Công văn số 51/TA-THC ngày 17/02/2025 V/v thu thập tài liệu, chứng cứ vụ Nguyễn Phúc N (Lần 2) đối với vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 82/2024/TLST-HC ngày 21/10/2024. Đến nay đã quá thời hạn được nêu tại các văn bản nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ của Ủy ban nhân dân thành phố T.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ban Q đất thành phố T trình bày: Văn bản số 1096/BQL ngày 16/01/2024 của Ban Q đất thành phố T v/v cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, người khởi kiện ông Nguyễn Phúc N.

Hiện nay, Ban Q quỹ đất thành phố đang tiến hành lập phương án bồi thường bổ sung cây trồng cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án đường B giai đoạn 2, trong đó có phần cây khế của ông Nguyễn Phúc N theo đúng quy

định.

Đối với yêu cầu hỗ trợ 30% giá trị thiệt hại thực tế nhà, công trình: Theo nội dung Biên bản kiểm kê ngày 09/7/2018 do Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T (nay là Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ thành phố T) lập, thể hiện ranh giới thu hồi và vật kiến trúc gắn liền trên đất theo hiện trạng hộ ông Nguyễn Phúc N, trong đó tổng diện tích xây dựng là 123,95m², trong đó, phần diện tích xác định ảnh hưởng gồm:

- Nhà cấp 4A1, mái lợp ngói, nền xi măng, chiều cao nhà h = 3,1m : Diện tích trúng giải tỏa 13, 68m², diện tích nhà còn lại 15,35m².

- Nhà cấp 4A1, mái lợp ngói, nền xi măng, chiều cao nhà h = 2,6m : Diện tích trúng giải tỏa 13,6m² diện tích nhà còn lại 6,37m² .

Phần diện tích xây dựng trên đất 123, 95m² của ông Nguyễn Phúc N đã được tính toán bồi thường, hỗ trợ toàn bộ (bao gồm phần diện tích nhà phải phá dỡ và phần diện tích xây dựng còn lại bị ảnh hưởng do phá dỡ). Do đó, việc ông Nguyễn Phúc N yêu cầu hỗ trợ 30% giá trị thiệt hại thực tế để sửa chữa hoàn thiện phần còn lại là không có cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân phường D1 trình bày: Giữ nguyên văn bản số 262/UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân phường D1 về việc phúc đáp Thông báo số 82/2024/TLST-HC ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ về đất đai tại UBND phường D1 như sau:

+ Theo Sổ mục kê đất đai được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh P ký đóng dấu ngày 23/12/2022 của địa bàn Phường F (nay là phường D) không có thông tin về đất ở đối với ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1. Bà Nguyễn Thị Bích T đứng tên chủ sử dụng đất tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích: 160.4m² (thửa này đã được cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 584698 cho ông Nguyễn Phúc N được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh P cấp ngày 18/5/2018).

+ Theo Sổ mục kê đất đai được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh P ký đóng dấu ngày 23/12/2022 của địa bàn phường D không có thông tin về đất ở đối với ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Như N1.

+ Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ: Bản đồ đo đạc năm 1996 thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số E4-IV-A-a, diện tích: 167.5m²; bản đồ đo đạc năm 2004 thuộc thửa đất số 163, tờ bản đồ số 12, diện tích: 167.1m²; Sổ mục kê đất đai năm 2022 kèm theo bản đồ địa chính năm 2022 thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích: 160.4m², tên người sử dụng quản lý đất: Nguyễn Thị Bích T.

- Tại Thông báo số 82/2024/TLST-HC ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, có nội dung: “+ Bà Nguyễn Bích T, ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn

Thị Như N1 có sinh sống tại địa thửa đất số 163, tờ bản đồ số 12 (đo đạc năm 2004), tọa lạc tại 3 T, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là 3 T, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên) bị thu hồi để thực hiện dự án: đường B tại phường F, thành phố T (đợt 10) không?

+ Ngoài thửa đất số 163, tờ bản đồ số 12 (đo đạc năm 2004), tọa lạc tại 3 T, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là 3 T, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên), bà Nguyễn Bích T, ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1 có chỗ ở nào khác trên địa bàn phường F (trước khi Nghị quyết 1200/NQ-UBTVQH15, ngày 28/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023-2025 và Quyết định của UBND tỉnh về việc chuyển các thôn, khu phố khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của TP T theo Nghị quyết 1200), địa bàn phường D (hiện nay) nói riêng và địa bàn thành phố T nói chung hay không? (Đề nghị cung cấp cụ thể chỗ ở khác và căn cứ pháp lý về chỗ ở)”.
- UBND Phường 4 trả lời các nội dung nêu trên như sau:

+ Ngày 28/11/2024, D1 tiến hành xác minh thông tin nêu trên tại khu phố B. Qua xác minh như sau:

“Bà Đặng Thị Hoàng C (khu phố trưởng) trình bày: bà Nguyễn Bích T là Nguyễn Thị Bích T và sinh sống tại thửa đất số 163, tờ bản đồ số 12 thuộc KP B từ trước đến nay; vợ chồng ông T1, bà N1 (con bà T) có thời gian đi làm ăn xa vài tháng vào khoảng năm 2021, sau đó vợ chồng bà N1 sinh sống ổn định với bà T tại thửa đất trúng giải tỏa từ trước đến nay. Bà T, ông T1, bà N1 không có đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn khu phố B thuộc U (nay là phường D).

Ông Phan M (Trưởng ban công tác mặt trận KP) trình bày: bà Nguyễn Thị Bích T, ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1 sinh sống tại thửa đất trúng giải tỏa từ trước đến nay là đúng”

+ Ngày 28/11/2024, D1 tiến hành xác minh thông tin nêu trên tại Trụ sở Công an phường D2. Qua xác minh như sau: Công an phường D2 có Công văn số 02/CAP về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ có nội dung: hiện tại bà T, ông N và bà N1 ở tại 3 T, KP B, Phường D. Đối với ông Phạm Anh T1 thì hiện đang ở sinh sống cùng với bà Nguyễn Thị Như N1 tại 3 T, KP B, Phường D.

+ Ngày 29/11/2024, UBND Phường 4 tiến hành xác minh các hộ dân xung quanh của thửa đất số 163, tờ bản đồ số 12 thuộc KP B. Qua xác minh như sau: Bà Nguyễn Thị Ô, ông Nguyễn H, bà Đỗ Thị D đều trình bày: bà T và vợ chồng con gái thực tế có sinh sống tại thửa đất trúng giải tỏa từ trước đến nay.

+ Căn cứ Sổ mục kê đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh P ký đóng dấu ngày 23/12/2022 đối với Phường F (cũ) và phường 4 và Giấy chứng nhận

QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông **Nguyễn Phúc N**; bà **Nguyễn Thị Bích T**, ông **Phạm Anh T1**, bà **Nguyễn Thị Như N1** không có đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn **phường D**.

+ Đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Phúc N**, bà **Nguyễn Thị Bích T**, ông **Phạm Anh T1**, bà **Nguyễn Thị Như N1**: **D1** không có ý kiến gì.

3. Bà Nguyễn Thị Ý N3: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện ông **Nguyễn Phúc N**, **Nguyễn Thị Bích T**, vợ chồng ông **Phạm Anh T1**, bà **Nguyễn Thị Như N1**.

*** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2025/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) đã quyết định:**

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 157, Điều 158; Khoản 2 Điều 173; Điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 348 và 358 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 1 Điều 22 và khoản 3 Điều 59 Hiến pháp năm 2013; Khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013; Khoản 2, Khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; khoản 6 Điều 6 của Quyết định 57/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của **UBND tỉnh P**; Khoản 3, Khoản 4 Điều 4 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của **UBND tỉnh P**; Khoản 2, Điều 32 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Phúc N**, **Nguyễn Thị Bích T**, vợ chồng ông **Phạm Anh T1**, bà **Nguyễn Thị Như N1** về các yêu cầu:

+ Hủy một phần Quyết định về việc Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 5661/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của **UBND thành phố T**.

+ Hủy một phần Quyết định số 5601/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của **UBND thành phố T** phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, để thực hiện dự án: **Đường B tại phường F, thành phố T** (đợt 10), phần liên quan đến ông **Nguyễn Phúc N**.

+ Buộc **Ủy ban nhân dân thành phố T** bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ **Nguyễn Thị Bích T**; bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ vợ chồng **Nguyễn Thị Như N1**, **Phạm Anh T1** và lập phương án bồi thường đối với cây khế cho hộ ông **Nguyễn Phúc N** theo quy định của pháp luật.

2/ Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu của ông **Nguyễn Phúc N**:

Buộc **UBND thành phố T** phải tính khoản tiền hỗ trợ 30% giá trị thực tế để sửa chữa hoàn thiện phần công trình còn lại theo Khoản 4 Điều 23 Quyết định số

39/2021/QĐ-UBND ngày 22/09/2021 của UBND tỉnh P ban hành chi tiết một số nội dung về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Vì người khởi kiện tự nguyện rút các yêu cầu này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2025, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Người khởi kiện ông Nguyễn Phúc N đồng thời là người đại diện cho những người khởi kiện khác đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Toà sơ thẩm đã xét xử và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và những người khởi kiện khác là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị HĐXX bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên, nay là Chủ tịch UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên toà mở lần thứ hai, Toà án đã triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án. Người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 157, Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[2.1] Người khởi kiện ông Nguyễn Phúc N, Nguyễn Thị Bích T, vợ chồng ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1 có đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4121/QĐ-UBND ngày 27/08/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T.

+ Hủy một phần Quyết định về việc Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số

5661/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND thành phố T.

+ Hủy một phần Quyết định số 5601/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND thành phố T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, để thực hiện dự án: Đường B tại phường F, thành phố T (đợt 10), phần liên quan đến ông Nguyễn Phúc N.

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hướng giao 02 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho hộ Nguyễn Thị Bích T và hộ vợ chồng Nguyễn Thị Như N1, Phạm Anh T1; đồng thời, phải tính khoản tiền hỗ trợ 30% giá trị thực tế để sửa chữa hoàn thiện phần công trình còn lại theo Khoản 4 Điều 23 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/09/2021 của UBND tỉnh P ban hành chi tiết một số nội dung về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên và lập phương án bồi thường đối với cây khế cho hộ ông Nguyễn Phúc N theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) xác định các quyết định hành chính bị kiện nêu trên thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại Điều 30, còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116, đồng thời tiến hành thụ lý vụ án và giải quyết theo trình tự sơ thẩm theo thẩm quyền quy định tại Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính là đúng pháp luật.

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Phúc N, Nguyễn Thị Bích T, vợ chồng ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1 thống nhất: tự nguyện rút yêu cầu: Buộc UBND thành phố T phải tính khoản tiền hỗ trợ 30% giá trị thực tế để sửa chữa hoàn thiện phần công trình còn lại theo Khoản 4 Điều 23 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/09/2021 của UBND tỉnh P ban hành chi tiết một số nội dung về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của những khởi kiện ông Nguyễn Phúc N, Nguyễn Thị Bích T, vợ chồng ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1 và kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T, thấy rằng:

[3.1] Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất: Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất thực hiện dự án: Đường B giai đoạn 2 tại Phường F, thành phố T (đợt 10) thì diện tích đất ông Nguyễn Phúc N bị ảnh hưởng thu hồi với diện tích 100.9m². Trên diện tích 100.9m² bị ảnh hưởng dự án có 01 ngôi nhà do hộ bà Nguyễn Thị Bích T (01 nhân khẩu) và hộ vợ chồng ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1 (02 nhân khẩu) tại thời điểm lập phương án, hiện nay tại Xác nhận thông tin về cư trú số 000088/XN ngày 19/3/2025 của Công an D2 là 04 nhân khẩu). Theo kết quả đo

đặc và kết quả quy chủ nguồn gốc đất của U (nay là D1) thì tổng thửa đất của ông N là 160.4m² nhưng bị ảnh hưởng 100.9m² diện tích còn lại 59,5m² nên UBND thành phố T không xem xét tái định cư cho ông N. Tuy nhiên, xét trên diện tích 100.9m² thuộc quyền sử dụng đất của ông N thì có 01 nhà cấp 4 do 02 hộ gia đình bà Nguyễn Thị Bích T và hộ vợ chồng ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1 đang sử dụng để ở nên buộc phải di chuyển chỗ ở và 02 hộ gia đình bà Nguyễn Thị Bích T và hộ vợ chồng ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1 không có chỗ ở nào khác trong địa bàn Phường D (trước đây là Phường F, nơi có đất thu hồi).

[3.2] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2025 thể hiện 02 ngôi nhà độc lập; người đang trực tiếp sử dụng 01 nhà cấp 4 phía Tây thửa đất, bị ảnh hưởng Dự án nêu trên là hộ bà Nguyễn Thị Bích T (01 nhân khẩu là bà Nguyễn Thị Bích T) và hộ vợ chồng ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1 (hiện nay là 04 nhân khẩu, gồm: ông Phạm Anh T1, sinh năm 1989, bà Nguyễn Thị Như N1, sinh năm 1991, cháu Phạm Tiến P, sinh năm 2019 và cháu Phạm Tú L1, sinh năm 2023) dùng để ở.

[3.3] Như vậy, hộ ông Nguyễn Phúc N đã tách hộ theo quy định của hộ tịch năm 2011 và hộ vợ chồng ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1 đã tách hộ theo quy định của hộ tịch năm 2015, trước ngày công bố thông báo thu hồi đất thực hiện dự án: Đường B giai đoạn 2 tại Phường F, thành phố T là phù hợp với quy định pháp luật, theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định: *“Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình”*; Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên: *“Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng hoặc đã tách hộ theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì được giao đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình; trường hợp có hộ phụ mới nhập khẩu vào hộ chính sau ngày công bố thông báo thu hồi đất thì không được giao đất ở, nhà ở tái định cư”*; Khoản 4 Điều 111 Luật đất đai 2024: *“... Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu*

hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi mà diện tích đất ở được bồi thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình thì được xem xét hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình còn thiếu."

[3.4] Trong khi đó, hộ bà **Nguyễn Thị Bích T** và hộ vợ chồng ông **Phạm Anh T1**, bà **Nguyễn Thị Như N1** là người trực tiếp đang sử dụng đất thuộc trường hợp ở trên đất của người khác đồng thời hộ gia đình bà **T** và hộ gia đình ông **T1**, bà **N1** không có chỗ ở nào khác trên địa bàn **phường D** nơi có đất thu hồi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013 quy định "*Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.*", khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định "*Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.*" và được **UBND tỉnh P** quy định tại khoản 6 Điều 6 của Quyết định 57/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 "*Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (bao gồm cả trường hợp có nhà ở trên đất của người khác), nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; giá đất ở tính tiền sử dụng theo quy định tại Điều 28 của Quy định này. Trường hợp cá biệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.*"; Khoản 4 Điều 4 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên: "*Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (bao gồm cả trường hợp có nhà ở trên đất của người khác), nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính thu tiền sử dụng đất được xác định bằng giá đất trong bảng giá đất nhân (x) với hệ số điều chỉnh giá*

đất theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở do Ủy ban nhân dân tỉnh Q theo từng dự án, công trình cụ thể".

[3.5] Đối chiếu các quy định nêu trên, để đảm bảo về mặt an sinh xã hội, trường hợp hộ bà Nguyễn Thị Bích T và hộ vợ chồng ông Phạm Anh T1, bà Nguyễn Thị Như N1 phải được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Điều này phù hợp với Hiến pháp năm 2013 về quyền có chỗ ở hợp pháp được quy định tại khoản 1 Điều 22 “*Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp.*” và khoản 3 Điều 59 của Hiến pháp quy định “*Nhà nước có chính sách phát triển nhà ở, tạo điều kiện để mọi người có chỗ ở.*” như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật.

[3.6] Mặt khác, quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định Hạn mức về giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh P): “*Các phường thuộc thành phố T, thị xã S, thị xã Đ: Từ 60m² đến không quá 150m²*”. Theo đó, diện tích còn lại sau khi thu hồi là 59.5m² (nhỏ hơn hạn mức tối thiểu là 60m²) là không đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho 03 hộ gia đình, hiện nay với 08 nhân khẩu. Tuy nhiên, Quyết định về việc Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 5661/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND thành phố T và Quyết định số 5601/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND thành phố T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, để thực hiện dự án: Đường B giai đoạn 2 tại Phường F, thành phố T (đợt 10), phần liên quan đến ông Nguyễn Phúc N chỉ xem xét đối với ông Nguyễn Phúc N mà không xem xét giải quyết đối với yêu cầu của 02 hộ có nhu cầu về đất ở sau khi bị giải tỏa nhà ở duy nhất, không có chỗ ở nào khác đối với hộ bà T và hộ ông T1, bà N1 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ bà T và hộ ông T1, bà N1.

[3.7] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm quyết định Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4121/QĐ-UBND ngày 27/08/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T; Hủy một phần Quyết định về việc Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 5661/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND thành phố T; Hủy một phần Quyết định số 5601/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND thành phố T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, để thực hiện dự án: Đường B tại phường F, thành phố T (đợt 10), phần liên quan đến ông Nguyễn Phúc N và Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ Nguyễn Thị Bích T; bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ vợ chồng Nguyễn Thị Như N1, Phạm Anh T1 và lập phương án bồi thường đối với cây khế cho hộ ông Nguyễn Phúc N là có căn

cứ, đúng quy định pháp luật.

[3.8] Chủ tịch **UBND thành phố T** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới, khác; đồng thời như đã nhận định nêu trên, việc Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật; do đó không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo mà cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của Chủ tịch **UBND thành phố T**, tỉnh Phú Yên (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hiện nay là Chủ tịch **UBND phường T**, tỉnh Đắk Lắk) và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2025/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk).

2. Về án phí phúc thẩm: Chủ tịch **UBND thành phố T**, tỉnh Phú Yên (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hiện nay là Chủ tịch **UBND phường T**, tỉnh Đắk Lắk) phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007164 ngày 17/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (nay là Thi hành **án dân sự tỉnh Đ**).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng